

Số: 331/TB-UBND

Hòa Điền, ngày 07 tháng 10 năm 2026

THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT
Về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án cải tạo đường dây điện 220 kV
Châu Đốc – Kiên Bình 01 mạch thành 02 mạch, đoạn đi qua
xã Hòa Điền, tỉnh An Giang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh An Giang; Căn cứ Quyết định số 07/2026/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh An Giang



thực hiện Nghị quyết của Quốc hội quy định một số chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 56/2026/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2026 của UBND tỉnh An Giang về việc phân cấp thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 57/2026/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 243/QĐ-TTg ngày 04 tháng 02 năm 2025 của Thủ tướng chính phủ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án cải tạo đường dây điện 220 kV 01 mạch thành 02 mạch;

Căn cứ Quyết định số 1482/QĐ-EVNNPT ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Tổng công ty truyền tải điện quốc gia về việc phê duyệt dự án cải tạo đường dây điện 220 kV 01 mạch thành 02 mạch;

Căn cứ Quyết định số 907/QĐ-EVNNPT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Tổng công ty truyền tải điện quốc gia về việc phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (TTKT, DT) dự án cải tạo đường dây điện 220 kV 01 mạch thành 02 mạch;

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế xã Hòa Điền tại Tờ trình số 410/TTr-KT ngày 07 tháng 10 năm 2026.

Để công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng được tổ chức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân xã Hòa Điền thông báo đến các chủ sử dụng đất về chủ trương thu hồi đất để thực hiện dự án cải tạo đường dây điện 220 kV Châu Đốc - Kiên Bình 01 mạch thành 02 mạch, đoạn đi qua xã Hòa Điền, tỉnh An Giang như sau:

1. Quy mô và vị trí thu hồi đất

Diện tích đất dự kiến thu hồi: dài khoảng 15,42 km, quy mô thu hồi đất khoảng 7.486,4 m² và quy mô ảnh hưởng phạm vi hành lang bảo vệ đường dây dẫn điện trên không khoảng 326.709,0 m².

Địa điểm: tại ấp Lung Lớn, ấp Kiên Sơn, ấp Kênh 9, ấp Cống Tre, xã Hòa Điền, tỉnh An Giang.

Tổng số tổ chức, hộ gia đình cá nhân bị thu hồi đất, ảnh hưởng bởi dự án: 76.

(Kèm theo danh sách chi tiết bao gồm: Tên chủ sử dụng đất, diện tích thửa, tờ bản đồ số, loại đất)

2. Lý do thu hồi đất

Giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án cải tạo đường dây điện 220 kV Châu Đốc – Kiên Bình 01 mạch thành 02 mạch, đoạn đi qua xã Hòa Điền, tỉnh An Giang, theo khoản 6, Điều 79 Luật Đất đai năm 2024.

3. Thời gian điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm

a) Kế hoạch thời gian:

(1) Từ ngày 02/10/2026 đến ngày 10/10/2026: Thông báo chủ trương thu hồi đất và gửi thông báo thu hồi đất đến từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu

tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có).

(2) Từ ngày 12/10/2026 đến ngày 14/12/2026: Kiểm kê, giám định khối lượng thiệt hại về đất, tài sản gắn liền với đất.

(3) Từ ngày 15/12/2026 đến ngày 28/12/2026: Lập dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư.

(4) Từ ngày 29/12/2026 đến ngày 04/02/2027: Niêm yết công khai, tổ chức lấy ý kiến về dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

(5) Từ ngày 15/02/2027 đến ngày 12/5/2027: Trình phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

b) Thu hồi đất và bàn giao mặt bằng:

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi đất sau 60 ngày đối với đất nông nghiệp và 120 ngày đối với đất phi nông nghiệp kể từ ngày Thông báo thu hồi đất này được ban hành.

Trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong khu vực thu hồi đất đồng ý để cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất trước thời hạn nêu trên thì Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định thu hồi đất mà không phải chờ đến hết thời hạn.

Bắt đầu từ ngày 02 tháng 10 năm 2026 đến ngày 02 tháng 01 năm 2027.

4. Hiệu lực thông báo thu hồi đất

Thông báo này có hiệu lực 12 tháng tính từ ngày ban hành.

5. Dự kiến kế hoạch di chuyển, bố trí tái định cư

Ông/bà (hoặc tổ chức) có tên trong khu vực thực hiện dự án có trách nhiệm phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh An Giang và Chi nhánh Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 - Xí nghiệp Khảo sát và xây dựng điện thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, công trình, tài sản khác gắn liền với đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân không chấp hành việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất thì cơ quan Nhà nước có thẩm quyền triển khai kiểm đếm bắt buộc theo quy định của pháp luật. *[Chữ ký]*

Nơi nhận:

- Trung tâm PTQĐ tỉnh An Giang;
- CT và các PCT. UBND xã;
- Phòng Kinh tế xã;
- Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã;
- Chi nhánh khu vực liên xã Kiên Lương;
- Niêm yết tại trụ sở UBND xã;
- Niêm yết tại trụ sở ấp Lung Lớn, ấp Kênh 9, ấp Kiên Sơn, ấp Cống Tre;
- Lưu: VT.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Thành



474





**DANH SÁCH THU HỒI ĐẤT DỰ ÁN CẢI TẠO ĐƯỜNG DÂY 220kV
CHÂU ĐỐC - KIÊN BÌNH 01 MẠCH THÀNH 02 MẠCH
ĐỊA ĐIỂM: XÃ HÒA ĐIỀN, TỈNH AN GIANG**

(Đính kèm Thông báo số 331/TB-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2026
của Chủ tịch UBND xã Hòa Điền)

STT	Chủ sử dụng đất	Số tờ ĐD	Số thửa	Loại đất	Diện tích dự kiến thu hồi	Vị trí móng trụ
1	Doanh nghiệp tư nhân Tuấn Linh	14	166	LUC	175,0	T151
					162,0	T152
					137,5	T153
					149,5	T154
2	Công ty TNHH MTV 622	14	164	RSX	149,5	T155
		24	12	LUC	137,5	T156
3	Lê Thị Ngọc Chuyên	24	59	LUC	149,5	T157
4	Thái Văn Mềm	24	77	LUC	137,5	T158
5	Trương Minh Nhật	24	122	LUC	204,5	T159
6	Nguyễn Hữu Thiện	23	102	LUC	149,5	T160
7	Nguyễn Ba Phúc	23	103	LUC	149,5	T161
8	Hà Mỹ Diệu	23	390	LUC	162	T162
9	Nguyễn Văn Giáo	23	399	LUC	137,5	T163
10	Lê Văn Tâm	23	370	LUC	126	T164
11	Nguyễn Văn Giáo	23	212	LUC	137,5	T165
12	Lê Tuấn	23	211	LUC	137,5	T166
13	Nguyễn Nhi Thanh	23	364	LUC	149,5	T167
	Nguyễn Nhi Thanh	23	364	LUC	173,2	T168
14	Phạm Văn Bình	23	367	CLN	1,8	T168
15	Lê Thanh Dũng	22	301	LUC	188,5	T169
16	Trương Thị Cẩm Thanh	32	18	LUC	259,2	T170
17	Lê Quang Hùng	32	29	LUC	126,0	T171
18	Trần Thị Phụng	32	67	LUC	149,5	T172
19	Phạm Văn Long	32	228	LUC	149,5	T173
		32	243	LUC	127,5	T174
		32	242	LUC	10,0	T174
		32	241	LUC	0,8	T175
		32	240	LUC	148,7	T175
20	Công ty Cổ phần xây dựng Thương mại Điện Hải	32	117	LUC	149,5	T176
21	Công ty Cổ phần xây dựng Thương mại Điện Hải	32	117	LUC	188,5	T177
22	Công ty TNHH thương mại Nhật Thái	32	194	LUC	259,2	T178

STT	Chủ sử dụng đất	Số tờ BĐ	Số thửa	Loại đất	Diện tích dự kiến thu hồi	Vị trí móng trụ
23	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thiên Sơn	32	269	SKS	162,0	T179
24	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thiên Sơn	32	269	SKS	162,0	T180
25	Công ty TNHH Mai Quang Vinh	39	391	LUC	175,0	T181
26	Công ty TNHH Mai Quang Vinh	39	391	LUC	353,4	T182
27	Tổng Thị Lệ Quyên	39	363	LUC	353,4	T183
28	Nguyễn Thị Dung	39	160	LUC	126,0	T184
29	Nguyễn Tấn Sông	39	195	LUC	137,5	T185
30	Nguyễn Tấn Sông	39	231	LUC	204,5	T186
31	Nguyễn Tấn Sông	39	263	LUC	272,3	T187
32	Dương Thanh Tuấn	39	323	LUC	173,6	T188
33	Văn Thành Tiến	39	324	BHK	7,7	T188
34	Đỗ Văn Út	39	293	HNK	224,0	T189
35	Trần Văn Út	100	85	CLN	263,5	T190
36	Hoàng Đại Huy	100	224	CLN	382,3	T191
37	Nguyễn Phước Định	100	88	CLN	5,8	T191
Tổng					7.486,40	

DANH SÁCH DIỆN TÍCH ĐẤT BỊ ẢNH HƯỞNG
THUỘC DỰ ÁN CẢI TẠO ĐƯỜNG DÂY 220kV
CHÂU ĐỐC - KIÊN BÌNH 01 MẠCH THÀNH 02 MẠCH
ĐỊA ĐIỂM: XÃ HÒA ĐIỀN, TỈNH AN GIANG

(Đính kèm Thông báo số 331/TB-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2026
của Chủ tịch UBND xã Hòa Điền)

STT	Chủ sử dụng đất	Số tờ ĐD	Số thửa	Loại đất	Diện tích ảnh hưởng	Ghi chú
1	Doanh nghiệp tư nhân Tuấn Linh	15	13	LUC	600,90	
		14	127	LUC	1.953,70	
		15	12	LUC	4.113,30	
		14	166		26.717,80	
2	Công ty TNHH MTV 622	14	164	RSX	9.226,00	
		24	12	LUC	4.188,60	
3	Võ Văn Đạm	24	39	LUC	1.364,60	
		24	32		2.312,40	
		24	33		1.297,80	
		24	27		1.186,80	
		24	25		605,00	
4	Lê Thị Ngọc Chuyên	24	59	LUC	1.470,10	
		24	69		339,10	
5	Đoàn Văn Hòa	24	469	LUC	1.648,60	
		24	470		117,00	
6	Đỗ Huy Hoàng	24	53	LUC	949,30	
7	Thái Văn Mềm	24	54	LUC	2.756,70	
		24	77		1.670,80	
8	Trần Văn Tâm	24	427	LUC	474,50	
		24	426		1.375,50	
		24	425		474,40	
		24	429		1.375,10	
		24	423		474,20	
		24	114		1.308,60	
9	Trương Minh Nhật	24	122	LUC	1.716,70	
		24	124		803,00	
10	Đoàn Văn Kiểm	24	129	LUC	834,40	
		24	134		1.411,40	
11	Nguyễn Thanh Tùng	24	145	LUC	1.393,60	
		24	148		1.468,80	
12	Nguyễn Hữu Thiện	23	102	LUC	1.263,10	
		23	107		1.483,60	
		23	120		1.445,10	
		23	126	LUC	2.053,90	
13	Nguyễn Văn Thắm	23	127	LUC	1.324,10	
		23	130		119,90	



STT	Chủ sử dụng đất	Số tờ ĐD	Số thửa	Loại đất	Diện tích ảnh hưởng	Ghi chú
14	Xí nghiệp Xây dựng Thủy lợi Bá Phúc	23	95	LUC	18,70	
		23	97		709,50	
		23	103		1.018,60	
		23	112		1.999,90	
		33	216	SKC	2.363,00	
15	Hà Mỹ Diệu	23	389	LUC	1.911,20	
		23	390		1.748,80	
16	Lê Thị Tuyến	23	388	LUC	1.910,30	
17	Thái Văn Danh	23	168	LUC	1.918,40	
		23	175		116,00	
18	Nguyễn Văn Đón	23	138	LUC	15,10	
19	Nguyễn Văn Giáo	23	143	LUC	566,90	
		23	147		904,60	
		23	399		1.660,80	
		23	161		886,50	
		23	167		925,30	
		23	212		1.736,20	
		23	218		1.374,80	
		23	223		1.397,60	
		23	237	CLN	264,50	
20	Trần Văn Chính	23	169	LUC	933,50	
		23	172		886,20	
21	Nguyễn Thị Kiều	23	177	LUC	914,50	
		23	179		926,00	
22	Lê Văn Cuội	23	369	LUC	288,10	
23	Lê Văn Tâm	23	370	LUC	1.688,90	
24	Lê Thị Ua	23	351	LUC	1.814,90	
25	Trần Văn Võ	23	203	LUC	862,30	
		23	204		916,50	
26	DNTN Lê Tuấn	23	202	LUC	1.506,20	
		23	206		1.306,20	
		23	211		1.163,40	
		23	219		1.281,80	
		23	222		1.317,90	
		23	227		1.297,50	
		23	231		1.302,30	
		23	241		1.768,10	
27	Nguyễn Nhi Thanh	23	364	LUC	9.649,50	
28	Phạm Văn Bình	23	367	CLN	983,90	
29	Lâm Đoàn Thanh Tâm	22	295	LUC	44,90	
		22	300	CLN	16,90	
30	Lê Thanh Dũng	22	301	LUC	1.245,90	
		22	306		1.794,50	

STT	Chủ sử dụng đất	Số tờ ĐD	Số thửa	Loại đất	Diện tích ảnh hưởng	Ghi chú
31	Trần Văn Bình	22	319	LUC	1.685,00	
		22	331		1.660,50	
32	Trương Thị Cẩm Thanh	32	19	LUC	659,10	
		32	18		2.741,20	
33	Mai Viết Xuân	32	17	LUC	2.896,30	
34	Trần Thị Tuyết Hoa	22	357	LUC	1.331,10	
		22	358		541,50	
35	Lê Quang Hùng	32	29	LUC	1.161,50	
		32	59		1.081,40	
		32	58		1.165,30	
		32	56		1.173,00	
		32	212		343,90	
		32	216		3.007,20	
		32	67		3.027,80	
36	Trần Thị Phụng	32	68	LUC	798,60	
		32	89		18,10	
37	Mai Văn Tú	32	89	CLN	18,10	
38	Phạm Văn Long	32	228	LUC	6.215,40	
		32	229		3.462,30	
		32	230		149,10	
		32	243		1.634,70	
		32	242		3.627,40	
		32	241		3.635,80	
		32	240		1.268,70	
39	Nguyễn Hòa Bình	32	119	LUC	1.470,70	
		32	118		651,20	
40	Công ty Cổ phần xây dựng Thương mại Điện Hải Sơn	32	117	LUC	17.998,40	
41	Công ty TNHH thương mại Nhật Thái	32	194	LUC	5.424,80	
42	Lê Văn Hùng	32	270	LUC	3.792,20	
43	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thiên Sơn	32	269	LUC	12.946,90	
		39	390	LUC	1.695,50	
44	Công ty TNHH Mai Quang Vinh	39	391	LUC	16.628,50	
45	Tống Thị Lệ Quyên	39	112	LUC	1.377,10	
		39	363		799,50	
		39	364		1.154,60	
46	Đỗ Văn Chiêu	39	133	LUC	1.973,00	
		39	147		2.441,00	
47	Nguyễn Thị Dung	39	160	LUC	2.398,90	
		39	373		2.552,30	
		39	183		1.208,00	
		39	190		1.028,80	



STT	Chủ sử dụng đất	Số tờ ĐD	Số thửa	Loại đất	Diện tích ảnh hưởng	Ghi chú
48	Nguyễn Tấn Sông	23	183	CLN	1.889,30	
		39	195	LUC	2.157,20	
		39	199		1.877,80	
		39	216		2.702,90	
		39	231		2.332,80	
		39	245		1.247,00	
		39	255		2.513,70	
		39	263		2.501,60	
		39	263		2.399,90	
		39	321		1.589,90	
49	Trần Minh Tuấn	39	321	BHK	405,70	
50	Nguyễn Văn Phát	39	334	HNK	892,90	
51	Nguyễn Văn Cọp	39	322	LUC	1.099,50	
52	Dương Thanh Tuấn	39	323	LUC	899,30	
53	Văn Thành Tiến	39	324	BHK	917,40	
54	Võ Văn Dương	39	325	BHK	965,10	
55	Văn Thành Dũng	39	326	HNK	787,20	
56	Văn Thành Trung	39	440	LUC	763,10	
57	Phạm Thị Phúc	39	285	BHK	1.213,20	
58	Đỗ Văn Út	39	293	HNK	2.047,10	
59	Dư Phạm Hồng Thanh	100	12	CLN	163,60	
60	Trương Thanh Mạnh	39	328	CLN	1.038,30	
		39	329	BHK	1.058,70	
		153	13	ONT+CLN	211,10	
61	Trương Thanh Hùng	153	12	ONT	94,60	
62	Trần Ngọc Tốt	153	11	ONT	58,10	
63	Dư Văn Hồ	153	10	ONT	49,60	
64	Phạm Thị Thúy Hằng	153	15	ONT	1,20	
65	Đặng Thị Kim Châu	100	163	CLN	315,20	
		100	56		1,30	
66	Trần Văn Út	100	85	CLN	1.144,70	
67	Nguyễn Văn Huế	100	115	CLN	909,30	
68	Hoàng Đại Huy	100	223	CLN	587,80	
					91,10	
					148,40	
		100	224	CLN	133,10	
					642,90	
					5,40	
					41,30	

STT	Chủ sử dụng đất	Số tờ BĐ	Số thửa	Loại đất	Diện tích ảnh hưởng	Ghi chú
69	Nguyễn Phước Định	100	222	CLN	3.262,40	
		100	88	CLN	1.302,30	
70	Nguyễn Thu Trinh	100	92	CLN	1.072,50	
		100	103		1.271,70	
71	Dương Thị Hoa Vinh	100	105	CLN	584,30	
72	Ban QLDA các Công trình điện miền Nam	100	411	DNL	368,00	
73	Trương Thanh Hóa	153	12	ONT	88,60	
74	UBND xã quản lý			DTL	20.837,20	
				DGT	250,00	
				DNL	272,40	
TỔNG					326.709,00	

